

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TINH THẦN KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VIỆT NAM

TS. Trần Văn Khởi* - TS. Đậu Thế Tụng** - TS. Phạm Xuân Khánh***

Nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở đào tạo nói chung và các trường cao đẳng nghề nói riêng là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nhà trường, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; gắn kết nghiên cứu khoa học, giảng dạy với thực tiễn... Nội dung, nhiệm vụ này đã được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm đề cập, chỉ đạo trong nhiều văn bản, nghị quyết. Tuy vậy có thể nói kể từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017, về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025", nhiệm vụ này lại được thúc đẩy, các trường cao đẳng nghề quan tâm triển khai thực hiện như một phong trào, tạo không khí mới.

• Từ khóa: nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chất lượng, các trường cao đẳng nghề.

Scientific research, entrepreneurship, and innovation in training institutions in general and vocational colleges in particular are regular and continuous tasks, contributing to improving the quality of training, the quality of schools, promoting the spirit of entrepreneurship and innovation; linking scientific research, teaching with practice... The content and tasks of this task have been given special attention and direction by the Party and the State in many documents and resolutions. However, it can be said that since the Prime Minister issued Decision No. 1665/QĐ-TTg dated October 30, 2017, on approving the Project "Supporting students to start a business until 2025", this task has been promoted again, and vocational colleges are interested in implementing it as a movement, creating a new atmosphere.

• Key words: scientific research, entrepreneurship, innovation, quality, vocational colleges.

Ngày gửi bài: 10/10/2024

Ngày gửi phân biện: 12/11/2024

Ngày nhận kết quả và sửa phân biện: 20/11/2024

Ngày chấp nhận đăng: 25/12/2024

1. Đặt vấn đề

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là cơ sở tạo nên nền tảng nâng cao chất lượng đào tạo, là yếu tố quan trọng để thực hiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) giúp học sinh, sinh viên (HSSV) đưa ứng dụng NCKH đã được nghiệm thu, các sản phẩm NCKH chất lượng mang tính sáng tạo, đột phá vào thực tiễn và thông qua đó giúp giảng viên, HSSV phát huy được tính sáng tạo

của mình. KNĐMST gắn liền với kết quả NCKH đây được coi là nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp phát triển, nâng cao năng lực KNĐMST quốc gia. Tuy nhiên, công tác KNĐMST tại các CSGDNN vẫn còn nhiều hạn chế, như: số lượng các công trình NCKH, các dự án, ý tưởng còn ít; một số giảng viên chưa thật sự quan tâm tới công tác khởi nghiệp cho HSSV; HSSV còn "loì là", "e dè" chưa đặt niềm tin vào chính bản thân; cơ chế chính sách đặc biệt là kinh phí dành cho đầu tư NCKH, KNĐMST còn eo hẹp, chưa thu hút được nhiều người tham gia thực hiện. Điều này đòi hỏi cần có sự nhìn nhận một cách tổng thể về thực trạng NCKH, KNĐMST trong các CSGDNN, để từ đó nâng cao chất lượng NCKH, KNĐMST trong các CSGDNN hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu

Có khá nhiều tác giả, bài viết đăng đề cập đến vấn đề nâng cao chất lượng NCKH, KNĐMST trong các CSGDNN, như: Ngô Thị Bảo Hương (2024), "Giáo dục khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: Thực trạng và định hướng giải pháp đến năm 2030"; Công Dân (2023), "Khơi dậy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo trong sinh viên trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng"; Đỗ Trịnh Hoài Dung và Trương Thị Ngọc Thuyền (2024), "Các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường nghề - nghiên cứu trường hợp Trường cao đẳng nghề Đà Lạt"; Nguyễn Huy Oanh (2023), "Thúc đẩy phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện nay"; Thanh Hương (2024), "Nghiên cứu

* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; email: khoinghiep1972005@gmail.com

** Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội; email: dauthetung@gmail.com

*** Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội; email: khanhpx@hht.edu.vn

khoa học trong sinh viên là nền tảng quan trọng thúc đẩy các hoạt động KNĐMST"; Lê Anh Đức (2021), "*Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên các trường đại học tại Việt Nam*"; Nguyễn Thị Thu (2022), "*Thúc đẩy đào tạo khởi nghiệp sáng tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp*". Các nghiên cứu này chủ yếu tập trung nhiều ở tinh thần KNĐMST, cả về lý thuyết và thực tiễn, tuy nhiên đề cập đến nội dung NCKH, từ xuất phát đó đi đến KNĐMST chưa được đề cập nhiều, vì thế bài viết này kế thừa và tập trung nghiên cứu liên quan đến nội dung đề cập trên trong các CSGDNN ở Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa các đề tài, bài viết được đăng trên các tạp chí, diễn đàn nghiên cứu nâng cao chất lượng NCKH, KNĐMST, tác giả tổng hợp có chọn lọc các số liệu thông tin được đăng tải công khai khách quan, các bản báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và ĐMST trong các CSGDNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để làm cơ sở phân tích dữ liệu, chỉ ra những hạn chế và từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng NCKH, tăng cường thúc đẩy tinh thần KNĐMST trong các CSGDNN.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "*Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025*", thì KNĐMST là quá trình thực hiện ý tưởng kinh doanh dựa vào việc khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ và mô hình kinh doanh mới để tạo ra những sản phẩm có giá trị tăng trưởng cao. Chủ thể tham gia vào KNĐMST có thể là cá nhân, tập thể hoặc tổ chức đưa những nghiên cứu vào ứng dụng thực tiễn.

** Về quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước*

Nhiều nghị quyết của Đảng, gần đây nhất là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu bật quan điểm chỉ đạo; định hướng phát triển đất nước cho giai đoạn 2021-2030 là "*đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo*".

** Văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ*

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều văn bản chỉ đạo, như: Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016; Quyết định số 844/QĐ-TTg, ngày 18/5/2016; Quyết định số 1665/QĐ-TTg; Quyết

định số 118/QĐ-TTg, ngày 25/1/2021; Quyết định số 1158/QĐ-TTg; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, ngày 15/10/2021 của Chính phủ; Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 897/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 58/NQ-CP, ngày 21/4/2023 của Chính phủ.

** Luật, văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

Luật Giáo dục đại học năm 2018 quy định tại Điều 12. Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT, ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 929/QĐ-LĐTBXH, ngày 28/6/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH; Thông tư số 14/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 30/8/2022.

4.2. Cơ sở thực tiễn

4.2.1. Thực trạng chung về NCKH, KNĐMST tại các CSGDNN

Số liệu tổng hợp từ 61 Sở LĐTB&XH, tính đến tháng 12/2022 có 1.455 CSGDNN, trong đó có 389 trường cao đẳng; 332 trường trung cấp; 734 Trung tâm GDNN-GDTX và 596 CSGDNN khác. Đa số các đơn vị trực thuộc CSGDNN có chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và ĐMST (trường cao đẳng 239/389 cơ sở, chiếm 61,4%; trường Trung cấp 74/332 cơ sở, chiếm 22,4%; Trung tâm GDNN - GDTX 05/734 cơ sở, chiếm 0,7%).

Số lượng nhiệm vụ NCKH giai đoạn 2020 - 2022 thực hiện tại các sở và CSGDNN là 10.151 nhiệm vụ, tăng dần qua các năm, cụ thể năm 2020 là 3.233 nhiệm vụ (cấp Quốc gia: 01, cấp Bộ/ngành: 43, cấp tỉnh thành phố: 34, cấp cơ sở: 2.023); năm 2021 là 3.301 nhiệm vụ (cấp quốc gia: 01, cấp Bộ/ngành: 35; cấp tỉnh thành phố: 52, cấp cơ sở: 1.969) và năm 2022 là 3.617 nhiệm vụ (cấp quốc gia: 02, cấp Bộ/ngành: 41, cấp tỉnh, thành phố: 103, cấp cơ sở: 2.107).

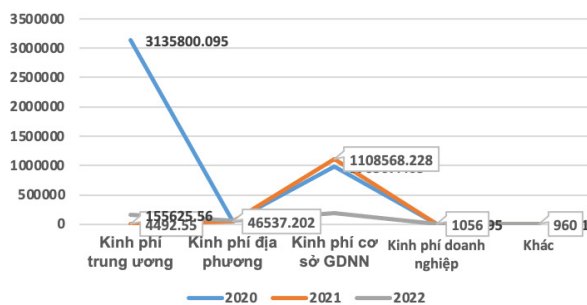
Số lượng các công trình ĐMST, chuyển giao công nghệ theo cấp độ: số liệu thống kê cho thấy trong giai đoạn 2020 - 2022 số lượng công trình ĐMST, chuyển giao công nghệ cấp Bộ/ ngành giảm, trong khi cấp tỉnh/thành phố có những biến động tăng, giảm qua các năm và chủ yếu tập trung lớn ở cấp cơ sở (cấp trường) chiếm 79%. Các công trình ĐMST, chuyển giao công nghệ theo loại hình, chủ yếu là: đổi mới sản phẩm, đổi mới quy trình, đổi mới tổ chức, đổi mới tiếp thị, các loại công trình khác.

- Nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và ĐMST gồm nguồn kinh

phí chủ yếu từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, kinh phí ở CSGDNN, nguồn tài trợ từ phía các doanh nghiệp và các nguồn thu khác. Trong đó:

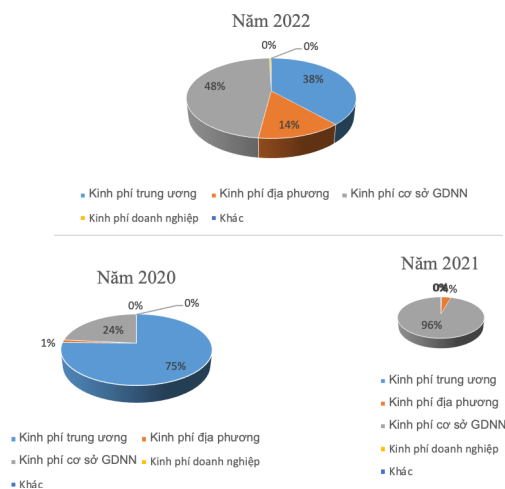
+ Tổng kinh phí dành cho hoạt động NCKH qua các năm thuộc giai đoạn 2020 - 2022 lần lượt là 4.162,5 tỷ đồng - 1.161,6 tỷ đồng - 404,9 tỷ đồng. Với số liệu này cho thấy, kinh phí cho hoạt động NCKH năm 2022 giảm, tổng kinh phí chỉ bằng 9,7% so với tổng kinh phí năm 2020. Kinh phí giảm là do nguồn kinh phí trung ương giảm, trong khi đó nguồn kinh phí địa phương có xu hướng tăng thêm.

Biểu đồ 01: Kinh phí chi cho hoạt động KH&CN giai đoạn 2020 - 2022 (Triệu đồng)



Nguồn: Tổng hợp từ các báo của các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Biểu đồ 02: Cơ cấu các nguồn kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học trong các CSGDNN



Nguồn: Tổng hợp từ các báo của các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

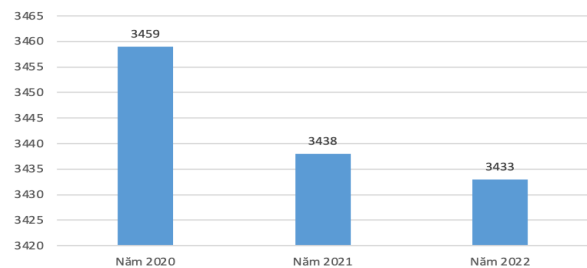
Trong cơ cấu các nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH tại các CSGDNN, năm 2020 nguồn kinh phí trung ương và nguồn kinh phí tại các CSGDNN chiếm tỷ trọng nhiều nhất, tương ứng là 75%, 23%. Tuy nhiên, đến năm 2021 tỷ trọng này thay đổi, nguồn kinh phí tại các CSGDNN chiếm tỷ trọng cao nhất là 95%, nguồn kinh phí địa phương chiếm 4%. Năm 2022, các nguồn kinh phí đều có xu

hướng giảm nên tỷ trọng giữa các nguồn kinh phí có phần cân đối hợp lý hơn (biểu đồ 02).

+ Kinh phí dành cho hoạt động chuyển giao công nghệ và ĐMST có xu hướng tăng dần qua các năm. Nguồn kinh phí cho hoạt động này chủ yếu đến từ nguồn kinh phí tại các CSGDNN (chiếm 65%) và nguồn kinh phí từ phía các doanh nghiệp, ngân sách trung ương còn hạn chế.

- Tăng cường cơ sở vật chất, bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH cho đội ngũ viên chức tại các CSGDNN, được quan tâm, chú trọng: đã tạo điều kiện cho đội ngũ viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, như: sử dụng công nghệ thông tin trong thực hiện đề tài NCKH; phần mềm xử lý số liệu trong thống kê; chuyển đổi số trong GDNN; kỹ năng viết bài và công bố kết quả nghiên cứu,... Giai đoạn 2020 - 2022, tổng số lượt viên chức ở các CSGDNN được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH, KNĐMST là 34.000 lượt.

Biểu đồ 03: Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH, chuyển giao công nghệ và ĐMST cho cán bộ, nhà giáo trong các CSGDNN (Người)



Nguồn: Tổng hợp từ các báo của các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sau đây là một số minh chứng rõ hơn từ thực tiễn tại một số trường cao đẳng:

4.2.2. Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội

Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội đã triển khai thực hiện một loạt các dự án và đề án phát triển CSVC, phát triển trường; thực hiện ứng dụng đề tài NCKH cấp quốc gia, Bộ và Thành phố, nghiệm thu vào thực tiễn; phát triển các mô hình dạy và học, xây dựng và chuẩn hóa chương trình, giáo trình bài giảng, phục vụ giảng dạy đào tạo,... kết quả đạt được nhiều thành tích cao trong các cuộc thi, như: thi thiết kế mạch vi điều khiển, thi Robocon, thi KNĐMST quốc gia VCCI, khởi nghiệp giáo dục; nhiều sản phẩm NCKH của cả thầy và trò được các doanh nghiệp quan tâm, từ đó tạo nên vị thế, thương hiệu, sức cạnh tranh trong toàn hệ thống giáo dục nghề nghiệp và được xã hội quan tâm chú ý. Hiện nhà trường có 05 Trung tâm (TT ươm sáng tạo và

chuyển giao công nghệ; TT nghiên cứu năng lượng mới; TT Megazone Việt Nam; TT Stem và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo HHT; TT Khoa học công nghệ và ĐMST HHT) và 6 Câu lạc bộ NCKH, KNĐMST tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực cơ khí, điện tử, chăm sóc sắc đẹp,...; Nhà trường cũng đã quan tâm tập trung kinh phí cho hoạt động NCKH ĐMST từ nguồn chi thường xuyên, trích từ 0,5-0,8% dành cho NCKH, KNĐMST. Giai đoạn từ năm 2018 đến nay, nhà trường đã hỗ trợ cho 10 nhóm, cá nhân có ý tưởng và dự án khởi nghiệp thành công; giới thiệu và kêu gọi đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp với số tiền đầu tư là 1.200.000.000. Biên soạn hơn 40 chương trình giảng dạy phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu; viên chức nhà trường đã công bố gần 100 bài báo và công trình NCKH tại các Hội nghị khoa học và tạp chí khoa học trong và ngoài nước; Tổ chức hàng trăm buổi Hội thảo khoa học và triển lãm các sản phẩm sáng tạo trong và ngoài nước về nghiên cứu ứng dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo,... Để có được kết quả nói trên, trong những năm qua nhà trường đã đồng bộ triển khai áp dụng nhiều giải pháp, trong đó có các công cụ như: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; 5S - Kaizen.

Bảng 1: Số liệu kết quả hoạt động NCKH và ứng dụng chuyển giao công nghệ của nhà trường từ năm 2015 đến nay

TT	Hoạt động	Số lượng
1	Dự án, nhiệm vụ khoa học cấp Quốc gia, Bộ	03
2	Dự án, đề tài NCKH cấp thành phố Hà Nội	08
3	Đề tài NCKH cấp Trường	82
4	Sáng kiến cấp Thành phố	25
5	Sáng kiến cấp cơ sở	1.276
6	Dự án chuyển giao Công nghệ cho doanh nghiệp	04
7	Công trình, bài báo công bố tại các Hội nghị, Báo và tạp chí	96
8	Xây dựng chuẩn kỹ năng cấp Quốc gia; Xây dựng Chương trình tiếng Anh cấp Quốc gia	04

4.2.3. Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn

Trong nhiều năm qua, tập thể lãnh đạo, viên chức trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn có những nhận thức rõ về vai trò của việc nâng cao chất lượng NCKH, KNĐMST. Trong năm học 2023 - 2024, Nhà trường đã thu được kết quả đáng khích lệ, có 9/12 đề tài cấp trường được nghiệm thu đưa vào ứng dụng thực tiễn, 03 đề tài đang trong quá trình triển khai các bước tiếp theo; 01 dự án đạt giải khuyến khích tại cuộc thi ĐMST cấp tỉnh năm 2023 và 01 sinh viên đạt giải nhì cuộc thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh và đạt giải khuyến khích tại Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc.

4.2.4. Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An

Vấn đề KNĐMST trong HSSV được lãnh đạo Nhà trường quan tâm sát sao chỉ đạo và tạo điều kiện tốt nhất để đẩy mạnh phong trào NCKH, KNĐMST trong HSSV, thành quả đạt được như: nhiều dự án khởi nghiệp hình thành các sản phẩm và phát triển trên thị trường và đạt các giải cao tại cuộc thi quốc gia: năm 2021 “dự án gây thông minh” đạt giải nhất tại cuộc thi Startup Kite, dự án “Xe lăn điện mặt trời”, “Trung tâm dịch vụ sửa chữa điện thông minh” vào top 20 dự án khởi nghiệp tiềm năng tại cuộc thi Techfest Nghệ An open 2021,... Điều này ngày càng tạo ra sự phấn đấu, nỗ lực và lan tỏa tinh thần khởi nghiệp trong HSSV, trang bị cho HSSV nhiều kiến thức, kỹ năng bổ ích, từng bước hình thành tinh thần khởi nghiệp và tạo sự chuyển biến về KNĐMST bằng nhiều hình thức.

4.2.5. Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội (HNIVC)

Trường HNIVC đã thành lập “Câu lạc bộ đổi mới sáng tạo”, thông qua đó đã tạo được sự gắn kết nhất định giữa nhà trường với doanh nghiệp, đem lại những giá trị cho doanh nghiệp và HSSV mà nhà trường là cầu nối gắn kết. Với sự cố gắng nỗ lực của cả thầy và trò, được sự hỗ trợ từ phía doanh nghiệp trong những năm qua trường HNIVC đã thành lập các Starup, dự án, khởi nghiệp công nghệ xanh (mô hình xe sinh thái tiết kiệm nhiên liệu). Nhà trường đẩy mạnh sự hợp tác hiệu quả với các doanh nghiệp (Sam Sung, Hyundai) triển khai mô hình khép kín từ khâu tuyển sinh - đào tạo - thực tập - làm việc nhằm tạo điều kiện để HSSV đẩy mạnh tinh thần KNĐMST vào lĩnh vực mà mình yêu thích.

4.2.6. Trường Cao đẳng Hàng Hải I

Từ khi được thành lập, lãnh đạo Nhà trường đã đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ giảng viên NCKH, đến nay nhà trường đã tham gia thực hiện 06 đề tài khoa học cấp Bộ, 36 đề tài cấp cơ sở, và nhiều đề án, dự án khác. Bên cạnh đó việc NCKH trong sinh viên bước đầu được nhà trường tạo điều kiện thông qua tổ chức thực hiện các sân chơi khoa học như cuộc thi Robocon và Nhà trường liên tiếp 3 năm liền lọt vào vòng 2 của cuộc thi; Nhà trường đầu tư mở 4 phòng thí nghiệm dành cho NCKH và hỗ trợ đào tạo.

4.3. Những hạn chế

* Hạn chế từ hệ thống chính sách khoa học và công nghệ trong các CSGDNN

Hiện nay chưa có hành lang pháp lý, cơ chế chính sách khuyến khích các doanh nghiệp và các

CSGDNN hợp tác theo nguyên tắc hai bên cùng có lợi; chính sách đầu tư cho phát triển NCKH trong các CSGDNN chưa đủ lớn, các sản phẩm nghiên cứu còn mang tính nhỏ lẻ chưa thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư, chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Thực tế, chính sách hỗ trợ của NN mới chỉ dừng lại ở việc tạo ra kết quả NCKH mà chưa tập trung hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường cho sản phẩm mới, chưa khuyến khích, phát triển những phát minh, sáng chế trở thành những sản phẩm cuối cùng, mang tính ứng dụng cao; chưa có cơ chế phát huy tính sáng tạo và khả năng NCKH.

Việc hình thành các doanh nghiệp KHCN trong các CSGDNN còn vướng bởi chính sách và một số Luật ban hành như Luật sở hữu trí tuệ, Luật khoa học công nghệ về hoạt động NCKH song thiếu các văn bản hướng dẫn thực hiện, dẫn đến các CSGDNN rơi vào tình trạng lúng túng khi triển khai và áp dụng, vận dụng tùy thuộc vào khả năng của từng CSGDNN.

Việc hình thành thể chế, hệ thống chính sách về hoạt động NCKH trong các CSGDNN chưa có sự đồng bộ và hoàn chỉnh trong toàn bộ hệ thống, các văn bản pháp quy liên quan chưa được điều chỉnh phù hợp, việc ban hành các văn bản dưới Luật như Nghị định, Thông tư còn chậm, khiến cho quá trình thực hiện Luật KH&CN gặp nhiều khó khăn.

** Hạn chế về nguồn kinh phí NCKH*

Vấn đề kinh phí là một khó khăn thách thức lớn đối với các CSGDNN khi tham gia vào hoạt động NCKH. Nguồn kinh phí đầu tư cho việc thực hiện NCKH, chuyển giao công nghệ và ĐMST còn hạn chế, đồng thời cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo tại các CSGDNN chưa đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của NCKH. Theo số liệu ngân hàng Thế giới (WB) năm 2019, chi ngân sách nhà nước dành cho KH&CN ở nước ta chỉ khoảng 0,5% GDP trong khi các nước khác cùng khu vực như Thái Lan là 1,14% GDP, Trung Quốc là 2,4% GDP; Nguồn vốn đầu tư cho KH&CN hiện chưa được chú trọng nhiều. Đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam cho NCKH và phát triển công nghệ còn khá thấp, chủ yếu là từ nguồn ngân sách nhà nước. Hoạt động KH&CN phần lớn được đầu tư từ ngân sách nhà nước với mức kinh phí vào khoảng 1,4 - 1,8% tổng chi NSNN hàng năm (không tính phần chi dự phòng an ninh, quốc phòng).

** Hạn chế về đội ngũ làm công tác NCKH trong nhà trường và doanh nghiệp*

Tại các CSGDNN chưa có bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động NCKH, chuyển giao CN, ĐMST, đa

phần là kiêm nhiệm. Điều này đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động NCKH (quy trình, quy định đề xuất các nhiệm vụ NCKH, chuyển giao CN, ĐMST).

Theo Sách Trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 của Tổng cục Thống kê, số liệu thu thập được tại thời điểm 31/12/2018, cả nước có 610.637 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, thì số doanh nghiệp tham gia nghiên cứu trong lĩnh vực KHCN hiện nay chiếm tỷ trọng gần 9%, tỷ trọng này có khuynh hướng gia tăng, tuy nhiên tỷ trọng doanh nghiệp làm việc trực tiếp liên quan đến NCKH và phát triển lại chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với quy mô trên 610,6 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả kinh doanh tại Việt Nam hiện nay.

** Hạn chế đến từ năng lực nghiên cứu khoa học tại các CSGDNN*

Đối với HSSV: Theo kết quả điều tra 15 trường đại học của tác giả Lê Thanh Hà cho biết, tính chủ động của HSSV chưa thật sự cao trong NCKH, chỉ đạt điểm trung bình 2,51. Và có tới 51,1% ý kiến cho rằng HSSV không chủ động NCKH và chưa thật sự chủ động tìm kiếm các cơ hội trải nghiệm thực tiễn ở doanh nghiệp.

Đối với giảng viên: Năng lực NCKH còn hạn chế, chưa đồng đều, còn thiếu kinh nghiệm và năng lực tổ chức hoạt động NCKH, KNĐMST, đặc biệt là các nhà khoa học đầu ngành, tình trạng “chảy máu chất xám” vẫn đang diễn ra, không khai thác hết hàm lượng chất xám của đội ngũ tri thức; số lượng các công trình đã được công nhận và công bố trên các tạp chí, kỷ yếu trong và ngoài nước còn hạn chế về mặt số lượng.

** Hạn chế số lượng, chất lượng NCKH ứng dụng vào thực tiễn*

Việc ứng dụng NCKH, kết nối với các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp còn khá khiêm tốn. Các sản phẩm có hàm lượng chất xám, hàm lượng khoa học và công nghệ phục vụ cho sản xuất và đời sống của người dân chưa nhiều, chưa tạo được phong trào đổi mới sáng tạo mạnh mẽ, KH&CN chưa có sự gắn kết chặt chẽ với thị trường. Số lượng các công trình nghiên cứu mang tính đột phá, tầm cỡ quốc tế chưa tương xứng với quy mô, số lượng công trình, nhiệm vụ NCKH, ĐMST.

5. Thảo luận

Từ thực trạng đánh giá đã nêu về chất lượng NCKH, KNĐMST tại các CSGDNN, để nâng cao chất lượng NCKH, KNĐMST cần đẩy mạnh một số nội dung sau:

** Đẩy mạnh việc hoàn thiện cơ chế chính sách*

Cần ban hành sớm các văn bản hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp quy (Nghị định, chính sách thu hút đầu tư cá nhân, chính sách xây dựng các nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh về hoạt động KH&CN trong các CSGDNN) để tránh dẫn đến các CSGDNN rơi vào tình trạng “lúng túng” khi triển khai và áp dụng vào thực thi nhiệm vụ.

Cần có những chính sách và đưa ra những quy định cụ thể về hoạt động, chức năng, quyền hạn nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa 2 bên: doanh nghiệp - nhà trường cùng có lợi trong NCKH, chuyển giao công nghệ. Đưa ra những chế tài mạnh để buộc doanh nghiệp phải giải ngân nhanh Quỹ phát triển Khoa học công nghệ của doanh nghiệp trong việc đặt hàng các CSGDNN nghiên cứu, ĐMST; Xây dựng chính sách hỗ trợ để các CSGDNN có thể thành lập doanh nghiệp KH&CN thuộc trường nhằm thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm NCKH, KNĐMST.

Cần hoàn thiện cơ chế, chính sách hợp lý nhằm khuyến khích tạo động lực cho cán bộ, viên chức, HSSV tại các CSGDNN trong hoạt động NCKH, đặc biệt là việc khởi nguồn cho HSSV trong vấn đề KNĐMST. Hình thành giải thưởng KHCN trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

** Nâng cao năng lực NCKH trong giảng viên, HSSV*

Các CSGDNN cần tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là năng lực NCKH; tổ chức các buổi thăm quan, học tập tại doanh nghiệp nhằm giúp giảng viên, HSSV tiếp cận được với dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại để có cái nhìn, tư duy mới trong nghiên cứu; Tạo điều kiện giao lưu, kết nối với các nhà nghiên cứu hàng đầu, các chuyên gia giỏi trong lĩnh vực NCKH. Kien toàn cơ cấu tổ chức, cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

** Tăng cường nguồn lực tài chính cho hoạt động NCKH, KNĐMST*

Tăng cường nguồn kinh phí đầu tư cho việc thực hiện NCKH, chuyển giao công nghệ và ĐMST; Huy động tối đa nguồn tài chính cho CSVC trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động NCKH; chủ động nắm bắt tiếp cận với nguồn vốn đầu tư từ các dự án, đề án hỗ trợ NCKH, KNĐMST, đưa các sản phẩm NCKH có tính khả thi cao ứng dụng vào thực tế.

6. Kết luận

Để nâng cao chất lượng NCKH, phát huy tinh thần KNĐMST trong các CSGDNN, đòi hỏi ngay

từ khâu cơ chế chính sách của Nhà nước cần phải có sự điều chỉnh thay thế các văn bản pháp quy dưới Luật sao cho phù hợp, cụ thể, nhanh chóng, dễ áp dụng, khuyến khích triển khai. Các CSGDNN cần có các quan điểm chỉ đạo nhất quán, có văn bản hướng dẫn từ các chế tài đủ mạnh, khuyến khích, khích lệ cán bộ, giảng viên, HSSV tích cực tham gia NCKH, tham quan học tập, đi và làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, tạo động lực thu hút giảng viên, HSSV dành nhiều thời gian cho NCKH, tạo ra những sản phẩm mới mang tính ứng dụng cao vào thực tiễn. Các doanh nghiệp cần gắn kết với các bên liên quan và chủ động đầu tư kinh phí, tạo ra những sân chơi dành cho hoạt động NCKH nhằm tìm kiếm những giá trị sản phẩm NCKH từ các cá nhân hay tổ chức đem lại nhằm phục vụ trực tiếp cho quá trình sản xuất và đem lại lợi ích cho cả 2 bên nhà trường - doanh nghiệp và coi đây như là trách nhiệm xã hội, trách nhiệm với “sản phẩm: Đầu ra của một quá trình đào tạo”.

Tài liệu tham khảo:

- Ngô Thị Bảo Hương (2024), Giáo dục khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: Thực trạng và định hướng giải pháp đến năm 2030; <https://kinhte.vn/dubao.vn/>
- Công Mân (2023), Khởi dậy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo trong Sinh viên trường cao đẳng nghề Đà Nẵng; *Công Thông tin Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo TP Đà Nẵng*.
- Đỗ Trịnh Hoài Dung, Trương Thị Ngọc Thuý (2024), Các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường nghề - Nghiên cứu trường hợp Trường Cao đẳng Nghề Đà Lạt; *Tạp chí Khoa học Yersin*, số 9/2024.
- Nguyễn Huy Oanh (2023), Thúc đẩy phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện nay; *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 26, tháng 9/2023.
- Thanh Hương (2024), Nghiên cứu khoa học trong sinh viên là nền tảng quan trọng thúc đẩy các hoạt động KNĐMST; <https://icdb.ntt.edu.vn/>
- Lê Anh Đức (2021), “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên các trường đại học tại Việt Nam”; <https://tapchicongthuong.vn/>
- Nguyễn Thị Thu (2022), “Thúc đẩy đào tạo khởi nghiệp sáng tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp”; <https://tapchitaichinh.vn/>
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2023), Báo cáo thực trạng hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và ĐMST trong các cơ sở GDNN của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.
- Phạm Xuân Khánh, Hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội
- Khánh Chi (2024), Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn: Sôi nổi phong trào sáng tạo khoa học kỹ thuật trong học sinh, sinh viên; <https://baolangsơn.vn/>
- Trịnh Hoàng (2021) Hội nghị tổng kết hoạt động KNĐMST năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022; <http://www.cdvdna.edu.vn>
- Trường Cao đẳng công nghệ Hà Nội (2020), Khởi nghiệp cho HSSV trường Cao đẳng công nghệ Hà Nội; <https://hnivc.edu.vn/>
- Trường Cao đẳng Hàng hải 1 (2014), Hoạt động nghiên cứu khoa học ở trường CDHH 1, thực trạng và giải pháp; <https://cdhh.edu.vn/>
- Nguyễn Thị Lê Hoa (2023), Nhận diện điểm hạn chế trong ứng dụng Khoa học công nghệ nâng cao năng suất doanh nghiệp; <http://tbtagi.angiang.gov.vn/>
- Ngô Thanh Từ (2024), Cơ hội và thách thức của Khoa học công nghệ Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay; <https://www.vanlanguni.edu.vn/>
- Trần Thị Thu Trang (2020), Khoa học và công nghệ - Thành tựu và thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội; <https://consosukien.vn/>
- Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2020, (tr31), Biểu đồ 08: Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2020; <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2022/11/Sach-trang-DN-2022.pdf>
- Trần Thị Thu Trang (2020), Khoa học và công nghệ - Thành tựu và thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội; <https://consosukien.vn/>
- Lê Thanh Hà (2022), các nhân tố ảnh hưởng đến liên kết đào tạo giữa trường đại học với doanh nghiệp; <https://sti.vista.gov.vn/>
- BTB An Giang (2021), Những thách thức lớn trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; <https://skhcn.bacgiang.gov.vn/>
- Minh An (2021), Những hạn chế tồn tại của nền khoa học và công nghệ Việt Nam; <https://sohuutritue.net.vn/>
- Báo cáo thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025”.
- Luật Giáo dục đại học, năm 2018.